

Bản án số: 97/2019/DS-ST
Ngày 05-7-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2017/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 87/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần PĐ.

Địa chỉ trụ sở: Số 45 đường Lê Duẩn, phường BN, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Mai Hữu Trí, sinh năm 1993, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần PĐ – Chi nhánh An Giang, theo Giấy ủy quyền ngày 03/5/2017 (có mặt).

- Bị đơn:

+ Ông Nguyễn Hào T, sinh năm 1961 (chết);

+ Bà Phạm Thị L, sinh năm 1971 (vắng mặt);

+ Chị Nguyễn Phạm Huỳnh L1, sinh năm 2000 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Khu dân cư VH, xã VTT, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 5 năm 2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 07 tháng 9 năm 2018 và các lần hòa giải, xét xử đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP PD là ông Mai Hữu Trí trình bày:

Vào ngày 26/11/2014 ông Nguyễn Hào T và bà Phạm Thị L có ký với Ngân hàng TMCP PD – Chi nhánh An Giang Hợp đồng tín dụng số: 0744/2014/HĐTD-CN, để vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng (kể từ ngày 27/11/2014 đến 27/11/2015), lãi suất trong hạn 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, về phương thức thanh toán thì trả lãi hàng tháng và trả vốn gốc cuối kỳ, mục đích mua bán lúa gạo.

Để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng nêu trên ông Nguyễn Hào T và bà Phạm Thị L đã thế chấp T sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 176982 (số vào sổ cấp GCN CH05358) do UBND huyện C cấp ngày 23/02/2013, thửa số 123, tờ bản đồ số 24, diện tích 144m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã VTT, huyện C, tỉnh An Giang. Và T sản gắn liền trên đất là nhà ở: Diện tích xây dựng là 78,8m², diện tích sàn là 115,7m², kết cấu: Móng, khung, cột BTCT, vách tường xây, nền lót gạch Ceramic, mái tole, sàn gỗ, nhà 02 tầng.

T sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: 0196/2013/BĐ được ký kết ngày 17/04/2013 và phụ lục số: 0196.01/PL-BD ngày 26/11/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà L không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả vốn lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tính đến ngày 21/4/2017 ông T, bà L còn nợ vốn 400.000.000 đồng và lãi 137.806.330 đồng, tổng cộng vốn lãi là 537.806.330 đồng.

Do ông Nguyễn Hào T chết nên Ngân hàng TMCP PD khởi kiện bổ sung như sau:

Buộc bà Phạm Thị L cùng chị Nguyễn Phạm Huỳnh L1 (con ruột ông T) phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi tạm tính đến ngày 21/4/2017 là 537.806.330 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi trả nợ xong.

Trường hợp bà L và chị L1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu kê biên, phát mãi T sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đơn khởi kiện bổ sung là buộc bà Phạm Thị L và chị Nguyễn Phạm Huỳnh L1 phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi tính đến ngày 05/7/2019 là 694.292.723 đồng (trong đó vốn 400.000.000 đồng, lãi trong hạn 36.245.559 đồng, phạt chậm trả 23.559.389 đồng, lãi quá hạn 234.487.775 đồng). Yêu cầu bà L, chị L1 phải

tiếp tục tính lãi phát sinh trên số vốn gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 06/7/2019 cho đến khi trả xong khoản nợ. Ngân hàng yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp để phát mãi T sản thi hành án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định. Tuy nhiên, quá trình thụ lý vụ án Thẩm phán phụ trách giải quyết vụ án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn chưa đảm bảo đúng thời hạn quy định. Vụ án đã quá thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng Chánh án không ban hành Quyết định gia hạn thời gian chuẩn bị xét xử.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 48, 49, 51, 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn bà L, chị L1 Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ nhưng vẫn vắng mặt không lý do, xem như từ bỏ quyền của mình, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là phù hợp tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Ngày 26/11/2014 ông Nguyễn Hào T và bà Phạm Thị L có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP PD để vay số tiền 400.000.000 đồng. Xét hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết là được ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự, nay ông T, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm hợp đồng, Ngân hàng yêu cầu thanh toán nợ và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp. Nhưng ông T đã chết, Ngân hàng yêu cầu bà L, chị L1 cùng liên đới chịu trách nhiệm trả toàn bộ vốn, lãi cho Ngân hàng là phù hợp quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự, tuy nhiên chị L1 không phải là người trực tiếp giao kết hợp đồng, chị L1 là người thừa kế của ông T nên chị L1 chỉ chịu trách nhiệm thanh toán trong phạm vi di sản do người chết để lại, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà L, chị L1 phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn lãi tính đến ngày 05/7/2019 là 694.292.723 đồng, (trong đó vốn 400.000.000 đồng, lãi trong hạn 36.245.559 đồng, phạt chậm trả 23.559.389 đồng, lãi quá hạn 234.487.775 đồng) và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận từ ngày 06/7/2019. Riêng chị L1 chỉ chịu trách nhiệm thanh toán trong phạm vi di sản do người chết để lại.

Đối với hợp đồng thế chấp mà các bên ký kết đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định, có công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo là phù hợp với quy định pháp luật nên Ngân hàng yêu cầu duy trì Hợp đồng thế chấp để phát mãi T sản thi hành án là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Đề nghị các đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

Kiến nghị: Thẩm phán giải quyết vụ án cố gắng khắc phục những thiếu sót nêu trên để quá trình giải quyết vụ án được tốt hơn, đảm bảo đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử nhắc nhở bị đơn chấp hành đúng pháp luật.

T liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Hợp đồng tín dụng số: 0744/2014/HĐTD-CN; Hợp đồng thế chấp số: 0196/2013/BĐ ngày 17/04/2013; Khế ước nhận nợ ngày 27/11/2014; Sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân của ông T, bà L; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp ngày 17/04/2013; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; Giấy ủy quyền ngày 02/11/2016; Quyết định tái bổ nhiệm số: 47/2017/QĐ-HĐQT, ngày 28/3/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; Giấy ủy quyền ngày 03/05/2017; Phụ lục hợp đồng 0196.01/PL-BD ngày 26/11/2014; Bảng tính lãi; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 176982 và hồ sơ kỹ thuật khu đất; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các T liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ tranh chấp là tranh chấp dân sự - hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà L, chị L1 Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bà L, chị L1 Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, theo đó đã nêu rõ nội dung khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn cùng các chứng cứ kèm theo nhưng bà L, chị L1 không khiếu nại, cũng không có ý kiến phản bác hay phản tố lại đối với yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ của nguyên đơn cung cấp là thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Tòa án chấp nhận các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là chứng cứ để giải quyết vụ án.

Về áp dụng luật giải quyết tranh chấp: Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng với ông T, bà L vào năm 2014 - thời điểm Bộ luật Dân sự 2005 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 đang có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên,

giao dịch dân sự của các bên chưa được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự hiện hành (năm 2015) thì áp dụng luật hiện hành để giải quyết. Trong vụ án này giao dịch của các bên đảm bảo nội dung vay có lãi và hình thức bằng văn bản phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015, Tòa án áp dụng luật chung là Bộ luật Dân sự năm 2015 và luật chuyên ngành là Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà L có ký Hợp đồng tín dụng số: 0744/2014/HĐTD-CN, để vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng (kể từ ngày 27/11/2014 đến 27/11/2015), lãi suất trong hạn 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, về phương thức thanh toán thì trả lãi hàng tháng và trả vốn gốc cuối kỳ, mục đích mua bán lúa gạo.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà L không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả vốn và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tính đến ngày 05/7/2019 ông T, bà L còn nợ Ngân hàng vốn, lãi là 694.292.723 đồng (trong đó vốn 400.000.000 đồng, lãi trong hạn 36.245.559 đồng, phạt chậm trả 23.559.389 đồng, lãi quá hạn 234.487.775 đồng).

Nay ông T đã chết Ngân hàng TMCP PD yêu cầu bà L, chị L1 cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi nêu trên và yêu cầu bà L, chị L1 phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền vốn gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết kể từ ngày 06/7/2019 cho đến khi trả xong toàn bộ số tiền vốn, lãi.

Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp để phát mãi T sản thi hành án.

Xét Hợp đồng tín dụng số: 0744/2014/HĐTD-CN 26/11/2014, Hội đồng xét xử nhận định: Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa ông T, bà L với Ngân hàng TMCP PD – Chi nhánh An Giang là ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 385, Điều 398, Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 94 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đồng thời, quá trình thực hiện hợp đồng bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, bên cho vay có kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Do ông T, bà L vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết làm phát sinh nợ quá hạn nên Ngân hàng yêu cầu thanh toán vốn, lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử chấp nhận như đề nghị của Viện kiểm sát.

Tuy nhiên, ông T đã chết, Ngân hàng yêu cầu bà L, chị L1 cùng liên đới chịu trách nhiệm là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Chị L1 là người thừa kế của ông T, không phải là người trực tiếp giao kết hợp đồng nên chị L1 chỉ chịu trách nhiệm thanh toán nợ trong phạm vi di sản do người chết để lại.

Xét Hợp đồng thế chấp số: 0196/2013/BĐ ngày 17/04/2013 và Phụ lục hợp đồng số: 0196.01/PL-BD ngày 26/11/2014, Hội đồng xét xử nhận định: Khi giao kết hợp đồng thế chấp và phụ lục hợp đồng các bên giao dịch đã thực hiện đúng trình tự thủ tục về công chứng, chứng thực hợp đồng và có đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan đăng ký đất đai theo quy định tại Điều 124 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai 2013 và điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số: 83/2010/NĐ-CP, ngày 23/7/2010 của Chính Phủ quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm, nên là hợp đồng hợp pháp được pháp luật công nhận. Do đó, Ngân hàng yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp để phát mãi T sản thi hành án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận như đề nghị của Viện kiểm sát.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu được chấp nhận toàn bộ nên Ngân hàng TMCP PD được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

Do vi phạm nghĩa vụ nên bà L, chị L1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền buộc trả cho Ngân hàng.

[4] Chi phí tố tụng khác: Về chi phí xem xét thẩm định tại là 300.000 đồng. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà L, chị L1 phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ, Ngân hàng TMCP PD đã tạm ứng, nên buộc bà L, chị L1 phải có trách nhiệm hoàn trả lại Ngân hàng TMCP PD 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 385, Điều 398, Điều 463, Điều 615 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP PD đối với bị đơn bà Phạm Thị L, chị Nguyễn Phạm Huỳnh L1.

- Buộc bà Phạm Thị L, chị Nguyễn Phạm Huỳnh L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP PD số tiền vốn, lãi tính đến ngày 05/7/2019 là 694.292.723 đồng (trong đó vốn 400.000.000 đồng, lãi trong hạn 36.245.559 đồng, phạt chậm trả 23.559.389 đồng, lãi quá hạn 234.487.775 đồng). Bà Phạm Thị L, chị Nguyễn Phạm Huỳnh L1 còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền gốc 400.000.000 đồng theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 0744/2014/HĐTD-CN 26/11/2014 mà các bên đã ký kết kể từ ngày 06/7/2019 cho đến khi trả xong khoản nợ. Riêng chị L1 chỉ chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP PD trong phạm vi di sản do người chết để lại.

- Duy trì hợp đồng thế chấp số: 0196/2013/BĐ ngày 17/04/2013 và Phụ lục hợp đồng số: 0196.01/PL-BD ngày 26/11/2014 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP PD với ông T, bà L cho đến khi thi hành án xong.

- Trường hợp bà L, chị L1 không trả được khoản nợ nêu trên cùng lãi phát sinh thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi T sản thế chấp để thi hành án.

2. Về án phí:

Bà Phạm Thị L, chị Nguyễn Phạm Huỳnh L1 phải chịu 31.771.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP PD được nhận lại 12.756.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0017353 ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Về chi phí tố tụng khác: Buộc bà Phạm Thị L, chị Nguyễn Phạm Huỳnh L1 phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP PD số tiền 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

Lê Thị Hồng Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Giữ Nguyễn Hoàng Tuấn

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

C, ngày 26 tháng 01 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984
2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3
- Về con chung, T sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi